

Bản án số: 79/2024/DS-ST

Ngày 26.8.2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Thanh Nga

Hội thẩm nhân dân: - Ông Đặng Công Tâm

- Ông Phạm Xoa

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Bà Trương Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 36/2024/TLST-DS ngày 29.01.2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2024/QĐST-DS ngày 23.7.2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2024/QĐST-DS ngày 08.8.2024 giữa:

**\* Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP K.**

Trụ sở chính: 4 P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T. Chức vụ: Chuyên viên (Theo quyết định số 390/QĐĐ-NHKL ngày 30.01.2024). Địa chỉ liên hệ: 1 N, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng. (Ông T có mặt).

**\* Bị đơn: Ông Phan Văn H.** Sinh năm 1977. Địa chỉ thường trú: Tổ A, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 16.01.2024, bản tự khai ngày 26/8/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP K (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) ông Nguyễn Văn T trình bày:

Nguyên vào ngày 04/10/2018, Ông Phan Văn H có ký Giấy đăng ký phát hành kèm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 số 185/18/TC/0500-3793 với Ngân hàng TMCP K. Cụ thể như sau: Hạn mức thẻ: 30.000.000 đồng. Loại thẻ : Visa credit C. Mục đích vay: Tiêu dùng. Thời hạn vay : 36 tháng. Ngày giải ngân: 23/10/2018. Lãi suất cho vay & lãi suất quá hạn: 22%/năm. Điều kiện áp dụng:

Theo Bảng chấp thuận về điều khoản & điều kiện sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế K1. Tài sản bảo đảm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng: Không tài sản đảm bảo.

Sau khi giải ngân, ông Phan Văn H đã thường xuyên không thực hiện thanh toán theo đúng qui định của sản phẩm thẻ tín dụng Quốc tế K1, Ngân hàng đã nhiều lần làm việc & Thông báo đến khách hàng nhưng ông Phan Văn H vẫn không thực hiện đúng. Và từ ngày 05/08/2020 đến nay, ông Phan Văn H đã không thanh toán bất kỳ khoản nào cho Ngân hàng. Tạm tính đến ngày 26/08/2024, dư nợ thẻ của Ông Phan Văn H tại K1 cụ thể là:

- + Nợ gốc còn lại : 23.839.871 đồng.
- + Lãi phát sinh còn lại: 23.871.448 đồng.
- + Phí phát sinh còn lại: 35.615.423 đồng.
- + Tổng cộng: 83.326.742 đồng.

(đính kèm Bảng kê tính lãi, tiền phạt vốn vay của ông Phan Văn H tạm tính đến ngày 26/08/2024).

Từ những nội dung trình bày trên, Ngân hàng TMCP K kính đề nghị Quý Tòa xem xét, giải quyết các nội dung sau:

- Buộc Ông Phan Văn H phải trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền tạm tính đến ngày 26/08/2024 số tiền: 83.326.742 đồng. Trong đó bao gồm nợ gốc là: 23.839.871 đồng, nợ lãi phát sinh là: 23.871.448 đồng, phí phát sinh là 35.615.423 đồng và tiền lãi, phí phát sinh từ ngày 27/08/2024 cho đến ngày thanh toán hết nợ.

- Trường hợp Ông Phan Văn H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đủ số nợ thì Ngân hàng TMCP K có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành án buộc khách hàng trả hết toàn bộ số tiền nợ Ngân hàng bao gồm gốc, lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận tại Giấy đăng ký phát hành kèm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký.

\* **Đối với bị đơn:** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập họp lệ nhiều lần cho bị đơn để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng ông Phan Văn H không đến Tòa án tham gia tố tụng và cũng không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án là đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K. Buộc ông Phan Văn H phải trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền tạm tính đến ngày 26/08/2024 số tiền: 71.020.285 đồng. Trong đó bao gồm

nợ gốc là: 23.839.871 đồng, nợ lãi phát sinh là: 23.871.448 đồng, phí phạt chậm trả là 23.308.966 đồng và tiền lãi, phí phát sinh từ ngày 27/08/2024 cho đến ngày thanh toán hết nợ. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K đối với yêu cầu thanh toán tiền phí vượt hạn mức là 12.306.457 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:*

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP K với ông Phan Văn H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hợp đồng tín dụng mà các bên đã giao kết là hợp đồng có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực đối với các bên tham gia giao dịch, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

#### **[2] Về nội dung:**

**[2.1]** Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP K về việc buộc ông Phan Văn H trả số tiền nợ gốc: 23.839.871 đồng, nợ lãi phát sinh: 23.871.448 đồng, phí phạt chậm trả: 23.308.966 đồng (tính đến 26.8.2024) và tiền lãi, phí phát sinh theo Giấy đăng ký phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế đã ký kết từ ngày 27/08/2024 cho đến ngày thanh toán hết nợ, Hội đồng xét xử xét thấy:

Giấy đăng ký phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 số 185/18/TC/0500-3793 ngày 04/10/2018 giữa Ngân hàng TMCP K và ông Phan Văn H được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, hình thức và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên đây là hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng. Căn cứ vào thỏa thuận của các bên tại Điều 4 và khoản 6.2 Điều 6 của Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 thì ông Phan Văn H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Việc Ngân hàng TMCP K khởi kiện yêu cầu ông H phải thanh toán nợ là phù hợp với quy định tại khoản Điều 103 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024 và các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc ông Phan Văn H phải trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền nợ gốc: 23.839.871 đồng, nợ lãi phát sinh: 23.871.448 đồng, phí phạt chậm trả: 23.308.966 đồng (tính đến 26.8.2024) và phải tiếp tục trả tiền lãi, phí phát sinh kể từ ngày 27.8.2024 cho đến khi thanh toán xong nợ theo

thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 số 185/18/TC/0500-3793 ngày 04/10/2018.

[2.2] Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP K về việc buộc ông Phan Văn H trả số tiền phí phạt vượt hạn mức 12.306.457đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hạn mức thẻ tín dụng mà ông Phan Văn H được cấp là 30.000.000 đồng. Từ khi sử dụng thẻ tính đến thời điểm bị tạm ngừng (khóa) quyền sử dụng thẻ (05/08/2020) thì ông Phan Văn H còn số tiền nợ gốc là 23.839.871 đồng và chưa phát sinh phí vượt hạn mức. Theo thỏa thuận tại khoản 2.4 Điều 2 của Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 thì ông Phan Văn H phải thanh toán tiền gốc, tiền lãi và tiền phí phạt chậm trả. Các khoản này cộng lại nếu vượt quá HMTD (hạn mức tín dụng) thì ông Phan Văn H phải thanh toán phần dư nợ vượt hạn mức này cho Ngân hàng TMCP K. Nội dung này đã được giải quyết tại mục [2.1] như đã nêu trên.

Ngoài ra, theo quy định tại điểm f khoản 3.3 Điều 3 Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 quy định: “Phí sử dụng vượt hạn mức: Được tính một lần/kỳ khi Chủ thẻ sử dụng vượt quá HMTD được cấp”. Xét thấy, ông Phan Văn H không được quyền sử dụng thẻ, kể từ ngày 10/02/2018 nhưng Ngân hàng TMCP K vẫn tính phí sử dụng vượt hạn mức phát sinh sau thời điểm bị ngừng thẻ là không phù hợp. Mặt khác, Ngân hàng TMCP K cộng các khoản nợ gốc, tiền lãi, phí phạt chậm trả (là khoản nợ phải thanh toán) để xác định Chủ thẻ sử dụng vượt hạn mức và tính phí sử dụng vượt hạn mức đối với ông Phan Văn H là thực hiện chưa đúng thỏa thuận (khi Chủ thẻ sử dụng vượt quá HMTD) tại điểm f khoản 3.3 Điều 3 của Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 và không phù hợp với quy định tại Điều 12 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11.01.2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận phần yêu cầu thanh toán tiền phí phạt vượt hạn mức của Ngân hàng TMCP K với số tiền là 12.306.457đồng.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do một phần yêu cầu của Ngân hàng TMCP K được chấp nhận nên ông Phan Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tính trên số tiền phải thanh toán. Đối với phần yêu cầu không được chấp nhận, Ngân hàng TMCP K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] Xét quan điểm của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu về việc giải quyết vụ án phù hợp với quy định của pháp luật cũng như nhận định của Hội đồng xét xử cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 227, 228, 266, 269 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Căn cứ Điều 100, 103 và 209 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024;

- Căn cứ vào Điều 463 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" của Ngân hàng TMCP K đối với ông Phan Văn H.

Xử:

**1.** Buộc ông Phan Văn H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP K tổng số tiền nợ tính đến ngày 26.8.2024 là: **71.020.285 đồng**. Trong đó: nợ gốc: 23.839.871 đồng, nợ lãi: 23.871.448 đồng, phí phạt chậm trả: 23.308.966 đồng.

Kể từ ngày 27.8.2024, ông Phan Văn H còn phải tiếp tục trả tiền lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận tại Giấy đăng ký phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 số 185/18/TC/0500-3793 ngày 04/10/2018 cho đến khi trả xong nợ.

**2.** Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K về việc yêu cầu ông Phan Văn H phải thanh toán số tiền phí phạt vượt hạn mức là 12.306.457 đồng.

**3.** Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phan Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.551.000 đồng (ba triệu, năm trăm năm mươi một nghìn đồng).

Ngân hàng TMCP K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 615.322 đồng (sáu trăm mười lăm nghìn, ba trăm hai mươi hai đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 1.745.735 đồng (một triệu, không trăm mười lăm đồng) đã nộp theo biên lai thu số 000196 ngày 23/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP K 1.130.413 đồng (một triệu, một trăm ba mươi nghìn, bốn trăm mười ba đồng).

**4.** Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát quận Hải Châu;
- Các đương sự;
- Chi cục THASDS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Hà Thị Thanh Nga**